TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/DS-ST
Ngày: 03-8-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tùng
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Hưng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Minh – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở trường trung học cơ sở Tân Lược huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Số 1, khu vực S, phường A, quận N, thành phố C Thơ
Địa chỉ liên lạc: đường C, phường A, quận N, thành phố C Thơ

Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1955 trú tại Số 1, đường s, phường A, quận N, thành phố C Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2017) (có mặt)

-Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng Cg, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh C trình bày:

Giữa anh Đ và anh Cg là chỗ quen biết nên từ đó anh Cg có mượn của anh Đ ba lần tiền cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 10/10/2016 số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng)
Lần 2 ngày 12/10/2016 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng)
Lần 3 ngày 11/01/2017 số tiền 205.000.000đ (hai trăm lẻ năm triệu đồng)
Tổng cộng: 234.000.000đ (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng)

Lúc mượn giữa đôi bên không đặt ra về lãi suất. Vì lúc này anh Cg C tiền để giải quyết việc gia đình của anh Cg trong thời gian ngắn rồi sẽ trả lại.

Đối với số tiền mượn lần ba vào ngày 11/01/2017 là 205.000.000đ anh Cg có làm giấy cam kết trả vào ngày 16/01/2017. Có sự chứng thật của phòng công chứng số 035 thuộc sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long

Tuy nhiên đến nay đã quá hạn mà anh Cg không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Đ.

Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hùng Cg phải trả cho anh Đ số tiền gốc là 234.000.000đ (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng)

Đồng thời anh Đ yêu cầu khoảng lãi phát sinh được tạm tính từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/5/2017 là 03 tháng với lãi suất là 1%/tháng

(nợ gốc: 234.000.000đ x 1% x 03 tháng = 7.020.000đ).

Tổng cộng số tiền là 241.020.000đ (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Mục đích anh Cg vay tiền của anh Đ là do anh Cg C tiền để làm ăn. Vì anh Cg là người trung gian làm thủ sang tên cho những người có nhu cầu mua bán đất. Thực tế thì không như anh Cg trình bày, không có việc anh Đ thuê anh Cg làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nay yêu cầu anh Cg nợ anh Đ thì có trách nhiệm trả nợ cho ông Đ là hoàn tất. Còn việc tính lãi nếu có cao hơn quy định của nhà nước thì tòa cứ điều chỉnh, phía nguyên đơn sẽ không có ý kiến gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hùng Cg trình bày: anh là người được anh Đ thuê để đi làm hồ sơ thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ những người mà anh Đ mua đất để sang tên qua cho anh Đ. Thực tế biên nhận 21.000.000 đồng và 8.000.000 đồng này là tiền thù lao mà anh Đ phải trả cho anh, để anh Cg làm thủ tục sang tên cho anh Đ cho 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh đã thực hiện xong 01 hợp đồng là sang tên ông Cao Minh N sang cho anh Nguyễn Văn Đ, còn 02 hợp đồng nữa do có tranh chấp nên không sang tên được, trong thỏa thuận thực hiện công việc sang tên này nếu đất có tranh chấp không sang tên được thì anh Đ cũng phải chịu số tiền này. Coi như thù lao anh đi làm công việc cho anh Đ. Sau đó anh có kêu anh Đ đưa cho anh hai biên nhận này nhưng anh Đ không đưa. Hai biên nhận ngày 10/10/2016 số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) và ngày 12/10/2016 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) không phải chữ ký của anh. Do đó anh Đ kiện anh để yêu cầu trả số nợ 21.000.000 đồng và 8.000.000 đồng này anh không đồng ý trả.

Đối với biên nhận 205.000.000 đồng thực tế anh đã nhận 160.000.000 đồng để làm 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đ. Nhưng không làm hợp đồng được nên anh tính trả cho anh Đ 160.000.000 đồng này lại cho anh Đ, nhưng anh Đ không chịu mà phải tính lãi, quy ra là 205.000.000 đồng. Bắt anh phải làm biên nhận nợ là 205.000.000 đồng, vì lúc đó ông Đ thuê xã hội đen đến để ép buộc anh ký. Thù lao trả cho xã hội đen anh Đ cũng bắt anh trả luôn là 12.000.000 đồng, có làm biên nhận cho anh. Như vậy, đối với biên nhận 205.000.000 đồng này anh chỉ thừa nhận nợ ông Đ là 160.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời gian chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử tòa án

đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn: chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ việc vay mượn giữa ông Đ và ông Cg có biên nhận và chữ ký xác nhận của ông Cg, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn cũng phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của bị đơn không đồng ý trả đối với hai biên nhận nợ 21.000.000 đồng và 8.000.000 đồng, ông Cg cho rằng đây là thù lao mà ông Đ trả cho ông để làm hồ sơ, giấy tờ đất đai, ông không chứng minh được. Biên nhận 205.000.000 đồng chỉ thừa nhận 160.000.000 đồng còn 45.000.000 đồng là tiền lãi ông Đ kê lên nhưng ông cũng không chứng minh được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn Đ do ông Trần Thanh C làm đại diện yêu cầu anh Nguyễn Hùng Cg trả số tiền 234.000.000đ (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng) theo 03 biên nhận: ngày 10/10/2016 số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng), ngày 12/10/2016 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), ngày 11/01/2017 số tiền 205.000.000đ (hai trăm lẻ năm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ 01/02/2017 đến ngày 01/5/2017 là 03 tháng với lãi suất là 1%/tháng (nợ gốc: 234.000.000đ x 1% x 03 tháng = 7.020.000đ).

Anh Nguyễn Hùng Cg không thừa nhận số nợ 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) và 8.000.000đ (tám triệu đồng), mà cho là tiền thù lao mà anh Đ phải trả cho anh khi làm thủ tục sang tên 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh đã thực hiện xong 01 hợp đồng, còn 02 hợp đồng nữa do có tranh chấp nên không sang tên được, theo thỏa thuận thì cho dù anh thực hiện được hay không việc sang tên quyền sử dụng đất thì anh Đ phải chịu chi phí này, anh có yêu cầu anh Đ trả cho anh 02 biên nhận nợ 21.000.000 đồng và 8.000.000 đồng này nhưng anh Đ không đưa (BL 45). Như vậy chứng tỏ 02 biên nhận này anh Cg đã biết và ký kếtvới ông Đ. Nhưng sau đó anh Cg lại trình bày chữ ký trong 02 biên nhận ngày 10/10/2016 số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng), ngày 12/10/2016 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) không phải là của anh (BL51). Tòa án có ra quyết định số 01/QĐ-CCTLCC ngày 12/5/2017 yêu cầu anh Cg làm thủ tục giám định chữ ký đối với 02 biên nhận nợ ngày 10/10/2016 và 12/10/2016 (BL52), anh Đ không thực hiện. Phía nguyên đơn không thừa nhận có sự việc này, anh Cg mượn tiền của anh Đ là để làm ăn. Anh Cg cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc có sự thỏa thuận anh Đ thuê anh Cg đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất (BL 48). Do đó, anh Cg phải chịu hậu quả bất lợi do không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng

thời, tại quyết định số 02/QĐ-CCTLCC ngày 16/6/2017 tòa án yêu cầu anh Cg nếu có yêu cầu khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng và 21.000.000 đồng thì phải làm đơn phản tố, anh Cg đã có làm đơn phản tố gởi cho tòa án, nhưng lại không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 31 ngày 25/6/2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đối với số nợ 205.000.000đ (hai trăm lẻ năm triệu đồng), anh Nguyễn Hùng Cg chỉ thừa nhận có nợ 160.000.000 đồng. Số tiền còn lại là tiền lãi, anh bị anh Đ ép ký vào biên nhận nợ 205.000.000đ. Tòa án có yêu cầu anh cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc anh bị ép ký này, anh Cg cũng không chứng minh được.

Từ những phân tích trên, có căn cứ cho rằng anh Cg có nợ của anh Đ số tiền trên 03 biên nhận nợ ngày 10/10/2016 số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng), ngày 12/10/2016 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), ngày 11/01/2017 số tiền 205.000.000đ (hai trăm lẻ năm triệu đồng). Do đó buộc anh Nguyễn Hùng Cg phải có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền là 234.000.000đ. Đối với yêu cầu lãi suất của nguyên đơn là 1%/tháng là cao so với quy định nên cần phải điều chỉnh lại, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả tương ứng với thời giam chậm trả, mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tức không được quá 10%/năm, bằng 0.83%/tháng. Như vậy, số tiền lãi chậm trả được tính như sau: từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/5/2017 là 03 tháng 234.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng = 5.826.600 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

Buộc anh Nguyễn Hùng Cg phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho anh Đ, án phí: 239.826.600 đồng x 5% = 11.991.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ do ông Nguyễn Thanh C làm đại diện.

Buộc anh Nguyễn Hùng Cg trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền vốn gốc 234.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi do chậm trả tiền 5.826.600đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 6.025.500 đồng theo biên lai thu số 0011635 ngày 24/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Buộc anh Nguyễn Hùng Cg phải chịu 11.991.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Caùc ñöông sö;ï
- Löu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh VL;*
- *VKSND huyện Bình tân;*
- *THADS huyện Bình Tân;*
- *Caùc ñöông sö;ï*
- *Löu.*

Nguyễn Ánh Dương